

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 154/2023/DS-ST
Ngày: 19 – 12 – 2023
“V/v tranh chấp hợp
đồng mua bán hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Yên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Min

Ông Nguyễn Quốc Trung

Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Văn Mil là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước.

Ngày 19 tháng 12 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2023/TLST-DS, ngày 01 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2023/QĐXXST-DS, ngày 08 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn L, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp Tân Long B, xã Tân Dân, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông Trần Văn L là bà Nguyễn Tổ Như, sinh năm 1995 theo văn bản ủy quyền ngày 06/4/2023 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 83, Đinh Tiên Hoàng, khóm 4, phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: 1. Ông Trần Thanh T, sinh năm 1982 (có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1985 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm Cái Nước, thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Trần Văn L trình bày: Năm 2010 vợ chồng ông Toàn, bà Bé có mua thức ăn nuôi tôm của ông, việc mua bán kéo dài đến ngày 18/6/2019 thì ngưng, hai bên kết toán ông Toàn, bà Bé còn nợ tiền mua thức ăn của ông Lực tổng cộng bằng 150.769.750 đồng, ông Toàn ký xác nhận khoản nợ trên. Do ông Toàn, bà Bé không thanh toán nợ nên yêu cầu Tòa buộc vợ ông Toàn, bà Bé trả cho ông tiền nợ

mua thức ăn, vật tư phục vụ nuôi tôm tổng cộng bằng 150.769.750 đồng và lãi chậm trả từ ngày 18/3/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Ông Trần Thanh T trình bày: Ông nhận có mua thức ăn, vật tư, thuốc thú y nuôi trồng thủy sản từ ông Lực và viết, ký biên nhận nhận nợ do ông Lực cung cấp. Theo ông việc ký biên nhận là do bị ông Lực ép buộc, khi viết và ký biên nhận nợ này chỉ ghi vào sổ nháp, chưa quyết toán cụ thể. Nay ông yêu cầu ông Lực cung cấp hợp đồng mua bán, hóa đơn nhận hàng; đối chiếu nợ với danh mục các mặt hàng thuốc thú y nuôi trồng thủy sản ông Lực bán cho ông để xác định hàng hoá trên có được phép lưu hành trên thị trường nếu không chứng minh được ông không đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của ông Lực.

Tại phiên toà ông Toàn xác định việc mua bán thức ăn nuôi trồng thủy sản trên do ông mua của ông Lực, không có liên quan đến trách nhiệm của vợ ông là bà Nguyễn Thị B và đồng ý thanh toán cho ông Lực các khoản nợ mua thức ăn, vật tư, thuốc thú y nuôi trồng thủy sản từ ông Lực trong suốt quá trình mua bằng 100.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị B trình bày: Thống nhất với nội dung trình bày và yêu cầu của ông Toàn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và được xem xét đối chiếu với kết quả tranh tụng tại phiên toà, nhận thấy:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa ông Trần Văn L và ông Toàn, bà Bé là quan hệ pháp luật về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” được quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có địa chỉ tại khóm Cái Nước, thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Đại diện nguyên đơn yêu cầu buộc ông Toàn, bà Bé thanh toán tiền mua thức ăn, vật tư, thuốc thú y nuôi trồng thủy sản từ ông Lực bằng 150.769.750 đồng và lãi chậm trả từ ngày 18/3/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm, mức lãi suất là 0,83%/tháng thành tiền bằng 41.295.834 đồng.

[2.1] Đại diện nguyên đơn xác nhận ông Lực có chấp nhận đến ngày 18/6/2021 ông Toàn thanh toán cho ông Lực 100.000.000 đồng là xem như trả dứt nợ cho ông Lực, thực tế Toàn không thực hiện cam kết trên nên ông Lực yêu cầu vợ chồng ông Toàn, bà Bé thanh toán đủ tiền nợ 150.769.750 đồng và lãi chậm trả của số tiền trên cho ông Lực.

Ngoài nội dung nêu trên, tranh tụng tại phiên toà ông Toàn không nhận trách nhiệm thanh toán nợ vốn, lãi cho ông Lực với nhiều lý do, cụ thể: ông Toàn cho rằng bị ông Lực ép viết và ký các biên nhận nợ; các biên nhận nợ trên ông xác định chỉ ghi vào sổ nháp nên không có giá trị; yêu cầu ông Lực cung cấp hợp đồng mua bán, hóa đơn nhận hàng; đối chiếu hàng hoá nhận mua với danh mục hàng hoá

ông Lục bán cho ông để xác định các hàng hoá này được phép lưu hành hợp pháp trên thị trường là điều kiện ông trả nợ cho ông Lục.

Nếu phải thực hiện nghĩa vụ ông Toàn chỉ đồng ý thanh toán cho ông Lục 100.000.000 đồng như trước đây đã thoả thuận.

[2.3] Do chính ông Toàn là người xác nhận lượng tiền nợ mua hàng của ông Lục, ông Toàn không chứng minh được việc bị ông Lục cưỡng ép ghi biên nhận nợ, hàng hoá bản thân ông Toàn đã sử dụng nên không có căn cứ chấp nhận các lý do của ông Toàn đặt ra để khước từ nghĩa vụ thanh toán nợ cho ông Lục.

Đối với đề xuất thanh toán 100.000.000 đồng theo cam kết ông Toàn ghi cho ông Lục: Thực tế cho đến nay ông Toàn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông Lục như cam kết nên ông Lục khước từ giảm nợ cho ông Toàn, buộc ông Toàn trả đủ nợ 150.769.750 đồng là yêu cầu chính đáng của ông Lục, phù hợp với qui định của pháp luật.

[2.4] Đối với yêu cầu của ông Lục buộc ông Toàn, bà Bé trả lãi chậm thanh toán: Theo đơn kiện, nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn thanh toán lãi chậm trả nhưng khi hòa giải ngày 16/02/2023 nguyên đơn không đặt ra yêu cầu buộc ông Toàn, bà Bé trả lãi do chậm thanh toán - đây là sự tự nguyện của nguyên đơn trong việc thay đổi nội dung khởi kiện nên Toà không tiến hành hoà giải nội dung yêu cầu khởi kiện này. Tại phiên toà nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả là vượt phạm vi xác định yêu cầu khởi kiện khi hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử. Do đó, không xét nội dung khởi kiện của ông Lục phần yêu cầu buộc ông Toàn, bà Bé thanh toán lãi chậm trả, sau này ông Lục có yêu cầu được xét tại vụ án khác.

[2.5] Tại phiên toà ông Toàn xác định việc mua bán thức ăn nuôi trồng thủy sản do ông mua của ông Lục, không liên quan đến trách nhiệm của vợ ông là bà Nguyễn Thị B.

Bà Bé, ông Toàn là vợ chồng, hai đương sự nhận: Trong thời gian hôn nhân tồn tại là thời gian ông Toàn mua thức ăn nuôi tôm công nghiệp của ông Trần Văn L phục vụ phát triển kinh tế gia đình, bà Bé không trực tiếp mua nhưng hưởng lợi trực tiếp từ việc nuôi tôm của ông Toàn. Nên xác định đây là khoản nợ chung của ông Toàn và bà Bé trong thời kỳ hôn nhân, buộc bà Bé liên đới với ông Toàn trả nợ cho ông Trần Văn L là phù hợp.

Từ phân tích trên, chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Trần Thanh T, bà Nguyễn Thị B trả cho ông Trần Văn L 150.769.750 đồng và không xét nội dung khởi kiện của ông Lục phần yêu cầu buộc ông Toàn, bà Bé thanh toán lãi chậm trả, sau này ông Lục có yêu cầu được xét tại vụ án khác.

[6] *Án án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch*: Ông Trần Thanh T và bà Nguyễn Thị B phải chịu án phí theo quy định chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 227, 266, 271 và 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;
Điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận khởi kiện của ông Trần Văn L.

Buộc ông Trần Thanh T và bà Nguyễn Thị B phải liên đới trả cho ông Trần Văn L số tiền là 150.769.750 đồng (Một trăm năm mươi triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Không xét nội dung khởi kiện của ông Lục phần yêu cầu buộc ông Toàn, bà Bé thanh toán lãi chậm trả, sau này ông Lục có yêu cầu được xét tại vụ án khác.

Trong trường hợp ông Trần Thanh T và bà Nguyễn Thị B chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Trần Thanh T và bà Nguyễn Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.538.500 đồng (Bảy triệu năm trăm ba mươi tám nghìn năm trăm đồng), nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước khi án có hiệu lực pháp luật. Ông Trần Văn L không phải chịu án phí, đã qua có dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 3.769.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008761, ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, được nhận lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, ông Trần Văn L, ông Trần Thanh T, bà Nguyễn Thị B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Yên